TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HS-ST
Ngày 03-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị H5

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Vân

Ông Bùi Đình Hùng.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị H2 - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa**:* Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 161/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 40/2023/HSST-QĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Duy L, sinh ngày 03 tháng 3 năm 1993 tại Hải Phòng. Nơi ĐKHKTT: Thôn AB, xã AL, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Thôn TL, xã AL, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Nguyễn Duy Quang và bà Trần Thị Hoà; có vợ là Lý Hồng Miên và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 12/6/2023 đến ngày 21/6/2023 được trả tự do; ngày 23/8/2023 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thủy Nguyên bắt tạm giam. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đến vụ án*:

1. Chị Vũ MA, sinh năm 1989, nơi cư trú: Tổ dân phố Hàm L, thị trấn NĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

2. Chị Bùi Thị Xuân H, sinh năm 1991, nơi cư trú: Thôn NL (AN cũ), xã AL, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

3. Chị Vũ Thị TH, sinh năm 1991, nơi cư trú: Thôn HB (AH cũ), xã AL, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

4. Anh Trịnh Văn H1, sinh năm 1990, nơi cư trú: Thôn HT (thôn AH cũ), xã AL, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

5. Chị Nguyễn Thị D T, sinh năm 1994, nơi cư trú: Thôn XS, xã TĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

6. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1968, nơi cư trú: Tổ dân phố BĐ 1, thị trấn Nùi Đèo, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

7. Anh Bùi Xuân D, sinh năm 1990, nơi cư trú: Thôn AH, xã AL, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

8. Ông Trần Văn H2, sinh năm 1987, nơi cư trú: Thôn 9, xã HB, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

9. Anh Trần Văn H3, sinh năm 1991, nơi cư trú: Thôn 9, xã HB, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

10. Chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1991, nơi cư trú: Thôn ĐM, xã TĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

11. Chị Nguyễn Thu PH, sinh năm 1994, nơi cư trú: Thôn BS, xã AL, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

12. Bà Đỗ Thị PH, sinh năm 1981, nơi cư trú: Thôn 7, xã NL, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

13. Anh Trần Văn T2, sinh năm 1992, nơi cư trú: Thôn Hà Luận 2, xã Hoà Bình, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

14. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1977, nơi cư trú: Thôn 7, xã Ngũ Lão, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

15. Ông Bùi Văn D, sinh năm 1990, nơi cư trú: Thôn HT, (thôn AT cũ), xã AL, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

16. Ông Bùi Văn T4, sinh năm 1964, nơi cư trú: Thôn TT, xã AL, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

17. Chị Đỗ Thị H5, sinh năm 1988, nơi cư trú: Thôn 4, xã NL, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

18. Anh Vũ Văn C, sinh năm 1993, nơi cư trú: Thôn AL, xã AL, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

19. Anh Phạm Văn V, sinh năm 1991, nơi cư trú: Thôn 1, xã HB, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

20. Bà Đinh Thị Đ, sinh năm 1974, nơi cư trú: Thôn ĐC, xã LL, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

Toàn bộ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đến vụ án đều vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 12/2018, Nguyễn Duy L mua phần mềm Mecash quản lý cho vay lãi của Công ty Cổ phần tập đoàn Tima, địa chỉ: số 275 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội để phục vụ cho việc vay lãi nặng của mình. L được cấp 01 đường link có địa chỉ truy cập là https://1cash.info, sau khi vào đường link, L thay đổi thông tin cá nhân bằng họ và tên Nguyễn Duy L, số điện thoại 0985.833.393, tên đăng nhập: "tamanh2", mật khẩu: "456456". Sau đó, L sử dụng điện thoại di động và máy tính để đăng nhập vào các tài khoản quản lý việc cho vay lãi bao gồm: theo dõi từng khoản vay, số tiền khách hàng phải đóng lãi hàng tuần, hàng tháng và nhắc lịch khách đến hạn đóng tiền lãi.

L không mở địa điểm riêng để hoạt động việc cho vay lãi. Những người vay lãi, gặp trực tiếp L hoặc liên lạc qua số điện thoại 0985.833.393 của L để liên hệ vay tiền. Sau khi kiểm tra thông tin, thẻ căn cước công dân của những người cần vay tiền, L đến trực tiếp nhà của họ hoặc hẹn tại một địa điểm do L chọn để thỏa thuận việc cho vay và lãi suất. Đối với những trường hợp L quen biết thì không cần viết giấy tờ, không cần các tài sản thế chấp (như đăng ký xe máy, ô tô). L sử dụng mạng internet tìm kiếm và in ra tài liệu (giấy mượn tiền) trong đó thể hiện rõ các nội dung: tên, địa chỉ, số căn cước công dân, số điện thoại, ngày tháng mượn tiền, số tiền mượn, thời gian trả, các tài sản để lại để làm tin... để người vay tiền tự viết các thông tin vào đó và kí tên ở dưới. Ngoài ra, để hợp thức hóa việc cho vay tín chấp thì L còn soạn thảo các mẫu giấy mua bán xe, giấy bàn giao xe, giấy thuê xe rồi tự viết các thông tin về đặc điểm tài sản tín chấp và số tiền vay của người vay lãi. Các giấy tờ, tài liệu này L lưu giữ khi nào người vay tiền thanh toán xong tiền gốc và lãi L sẽ trả lại cho người đó. L và những người vay lãi thỏa thuận với nhau lãi suất dao động từ 1.000đồng đến 8.000đồng/1 triệu/1 ngày. L trực tiếp đến nhà những người vay để thu lãi hoặc hẹn ở một địa điểm để giao tiền hoặc người vay trả lãi chuyển tiền qua tài khoản số 6668868888666 của ngân hàng MB Bank mang tên Nguyễn Duy L. Trong trường hợp những người cho vay không trả lãi theo đúng hẹn thì L sẽ nhắn tin gọi điện, hoặc trực tiếp xuống nhà để đòi nợ yêu cầu họ trả tiền.

Ngày 12/6/2023, L bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an giữ người trong trường hợp khẩn cấp về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Qua đó kiểm tra phát hiện trong tài khoản của L có 79 hợp đồng vay tiền với lãi suất dao động như trên. Ngày 21/6/2023, L được Viện kiểm sát nhân dân tối cho hủy bỏ biện pháp tạm giữ, trả tự do, sau đó ra quyết định chuyển hồ sơ tới Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thủy Nguyên để điều tra theo thẩm quyền. Thời gian về địa pH L vẫn tiếp tục thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thủy Nguyên đã làm rõ được những người vay tiền của L như sau:

1. Chị Vũ MA, sinh năm 1989, trú tại tổ dân phố Hàm L, thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vay tiền của L dưới 2 hình thức vay thế chấp (lãi nằm) và vay bát họ như sau:

- Đối với hình thức vay thế chấp: từ khoảng tháng 4/2021 đến ngày 11/5/2021, chị MA vay của L 03 lần với tổng số tiền vay 160.000.000đồng, lãi suất 3.300đ/triệu/ngày, tương Đ 120,45%/năm (gấp 6,02 lần so với quy định). Do không có tiền thanh toán ngay nên L và chị MA thỏa thuận thời gian bắt đầu tính lãi từ ngày 11/5/2021, cứ 10 ngày trả lãi số tiền 5.280.000đồng, chưa thỏa thuận thời hạn vay. Chị MA đã trả tiền lãi đến ngày 17/12/2021 là 116.160.000đồng.

- Đối với hình thức vay bát họ:

+ Lần thứ nhất: Ngày 19/11/2021, chị MA vay 15.000.000đồng, trả cả gốc và lãi trong vòng 30 ngày, mỗi ngày trả 600.000đồng, tổng số tiền phải trả là 18.000.000đồng tương Đ với lãi suất là 243,33%/năm (gấp 12,17 lần so với quy định), số tiền lãi pháp luật cho phép là 246.575đồng, số tiền lãi L thu lợi bất chính là 2.753.425đồng. L yêu cầu chị MA viết 01 giấy mượn tiền đề ngày 19/11/2021 ghi nội dung tiền vay là 18.000.000đồng.

+ Lần thứ hai: Ngày 26/11/2021, chị MA vay số tiền 20.000.000đồng, trả cả gốc và lãi trong vòng 30 ngày, mỗi ngày trả 766.000đồng, 3 ngày trả 1 lần số tiền 2.300.000đồng, tương Đ với lãi suất là 182,5% (gấp 9,13 lần so với quy định), số tiền lãi pháp luật cho phép là 328,767đồng, số tiền lãi L thu lợi bất chính là 2.671.233đồng. L yêu cầu chị MA viết 01 giấy mượn tiền đề ngày 26/11/2021 ghi nội dung số tiền vay là 23.000.000đồng.

Đối với hai lần vay bát họ nêu trên, chị MA đã trả được 01 phần số tiền lãi và gốc cho L (không nhớ cụ thể). Thỏa thuận sau đó chị MA phải tiếp tục trả nợ gốc và lãi cho L nhưng không được vượt quá số tiền gốc và lãi của 2 bát họ là 41.000.000đồng.

Quá trình vay, chị MA đã trả cho L số tiền lãi là 116.160.000đồng, số tiền lãi còn lại chị MA không trả đúng hẹn nên

L đã nhiều lần nhắn tin, gọi điện thoại và đến nhà của chị MA để đòi tiền. Do chị MA không có nhà nên ngày 10/01/2023, L một mình đến đòi nợ thì bà Nguyễn Thị Mai, sinh năm 1951 (là mẹ đẻ của chị MA) đang ở nhà đã đưa số tiền 90.000.000đồng cho chị Vũ Hiền Hải, sinh năm 1973 ở tổ dân phố Hàm L, thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng (là chị gái của chị MA) để trả cho L và thỏa thuận số tiền lãi chị MA đã trả đối với cả 3 lần vay là 206.160.000đồng, vượt quá tổng số tiền vay 195.000.000đồng của chị MA nên sẽ không còn nợ tiền gốc và tiền lãi của L phát sinh sau ngày 17/12/2021 nữa (L có viết vào mặt sau giấy mượn tiền đề ngày 26/11/2021 của chị MA). Tuy nhiên, ngày 11/3/2023, L đi xe mô tô (không nhớ biển kiểm soát) cùng với Vũ Văn Quý, sinh năm 1993 ở thôn 1, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng (Quý không được bàn bạc, hưởng lợi, không tham gia đòi nợ cùng L) đến nhà chị MA để đòi tiền nợ gốc nhưng chị MA không có nhà, chị Hải không đồng ý nên L đi về và không đòi nợ chị MA nữa.

Như vậy, tính đến ngày 10/01/2023, tổng số tiền lãi theo thỏa thuận tất cả các khoản vay mà chị MA phải trả là 327.552.000đồng, số tiền lãi pháp luật cho phép là 53.967.123 đồng, số tiền lãi trên thực tế chị MA đã trả được cho Nguyễn Duy L là 122.160.000đồng. Tại phiên toà, L xác định chị MA đã trả được tổng cộng là 206.160.000 đồng (gốc là 195.000.000 đồng và tiền lãi là 17.160.000 đồng), do chị MA bỏ trốn, không có khả năng trả nữa nên L không yêu cầu chị MA trả nữa.

2. Chị Bùi Thị Xuân H, sinh năm 1991, trú tại thôn An Nội, xã AL, huyện thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Ngày 13/7/2020, chị H vay số tiền 5.000.000đồng, lãi suất 3.333đồng/triệu/ngày, tương Đ lãi suất 121,67%/năm (gấp 6,08 lần so với quy định), trả tiền lãi tháng là 500.000đồng, chưa thỏa thuận thời hạn vay (L nhập vào phần mềm lãi là 3,3k/1 triệu). Từ ngày 13/7/2020 đến ngày 23/8/2023 (ngày L bị bắt tạm giam) số tiền lãi theo thỏa thuận mà chị H phải trả là 18.933.333 đồng, số tiền lãi pháp luật cho phép là 3.112.329đồng, số tiền L thu lợi bất chính là 15.821.005đồng. Chị H đã trả lãi hàng tháng với tổng số tiền là 18.500.000đồng; chưa trả nợ gốc cho L.

3. Chị Vũ Thị TH, sinh năm 1991, trú tại thôn An Hồ, xã AL, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Ngày 30/11/2020, chị TH vay số tiền 10.000.000đồng, lãi suất 3.333đồng/triệu/ngày, tương Đ với lãi suất 121,67%/năm (gấp 6,07 lần so với quy định), trả tiền lãi tháng là 1.000.000đồng, chưa thỏa thuận thời hạn vay (L nhập vào phần mềm lãi suất là 3.3k/ 1 triệu). Từ ngày 30/11/2020, số tiền lãi theo thỏa thuận mà chị TH phải trả là 33.200.000đồng, số tiền lãi pháp luật cho phép là

5.457.534đồng, số tiền L thu lợi bất chính là 27.742.466 đồng. Chị TH đã trả lãi hàng tháng với tổng số tiền là 32.000.000đồng; chưa trả nợ gốc cho L.

4. Anh Trịnh Văn H1, sinh năm 1990, trú tại thôn An Hòa, xã AL, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Ngày 02/4/2021, anh H1 vay số tiền 5.000.000đồng, lãi suất 4.000đồng/triệu/ngày, tương Đ với 146%/năm (gấp 7,3 lần so với quy định), trả tiền lãi tháng là 600.000đồng, chưa thỏa thuận thời hạn vay. Từ ngày 02/4/2021 đến ngày 23/8/2023 (ngày L bị bắt tạm giam), số tiền lãi theo thỏa thuận anh H1 phải trả là 17.460.000đồng, số tiền lãi cho phép là 2.391.781đồng, số tiền L thu lợi bất chính là 15.068.219đồng. Anh H1 đã trả lãi hàng tháng với tổng số tiền là 16.800.000đồng; chưa trả nợ gốc cho L.

5. Chị Nguyễn Thị D T, sinh năm 1994, trú tại thôn XS, xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã 02 lần vay tiền của L như sau:

- Lần thứ nhất: ngày 09/5/2021, chị T vay số tiền 20.000.000đồng, lãi suất 4.000đồng/triệu/ngày, tương Đ với lãi suất 146%/năm (gấp 7,3 lần so với quy định), trả tiền lãi tháng là 2.400.000đồng, chưa thỏa thuận thời hạn vay. Tính đến ngày 09/6/2021, chị T đã trả lãi là 2.400.000đồng, số tiền lãi cho phép là 328.767đồng, số tiền L thu lợi bất chính là 2.071.233đồng.

- Lần thứ hai: ngày 09/6/2021, chị T tiếp tục vay số tiền 10.000.000đồng. Tổng số tiền gốc chị T vay là 30.000.000đồng, lãi suất tính là 3.000đồng/triệu/ngày, tương Đ với lãi suất 109,5%/năm (gấp 5,48 lần so với quy định), trả lãi tháng là 2.700.000đồng. Tính đến ngày 26/8/2022, chị T đã trả hết 30.000.000đồng tiền nợ gốc cho L; số tiền lãi chị T đã trả cho L là 39.870.000đồng, số tiền lãi pháp luật cho phép là 7.282.192đồng, số tiền L thu lợi bất chính là 32.587.808đồng; đã trả hết nợ cho L.

Như vậy, tổng số tiền L thu lợi bất chính từ các khoản vay của chị T từ ngày 06/5/2021 đến ngày 26/8/2022 là 34.659.041đồng.

6. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1968, trú tại tổ dân phố Bạch Đằng 1, thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Ngày 07/8/2021, ông T1 vay số tiền 50.000.000đồng, lãi suất 3.000đồng/triệu/ngày, tương Đ lãi suất 109,5%/năm (gấp 5,48 lần so với quy định), trả lãi tháng là 4.500.000đồng. Tính đến ngày 09/6/2023 ông T1 đã trả hết 50.000.000đồng tiền nợ gốc; về số tiền lãi theo thỏa thuận mà L nhằm đạt được thì ông T1 phải trả 99.300.000đồng, số tiền lãi pháp luật cho phép là 18.383.562đồng, số tiền thu lợi bất chính L nhằm đạt được là 80.916.438đồng. Tuy nhiên tháng cuối cùng từ ngày 07/5/2023 đến ngày 09/6/2023 thì L chỉ lấy của ông T1

2.000.000đồng, thỏa thuận hết nợ. Như vậy ông T1 đã trả được số tiền lãi thực tế là 96.500.000đồng.

7. Anh Bùi Xuân D, sinh năm 1990, trú tại thôn An Hồ, xã AL, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Ngày 11/01/2022, anh D vay số tiền 5.000.000đồng, lãi suất 3.333đồng/triệu/ngày (L nhập trong phần mềm là 3.3k/1 triệu), tương Đ lãi suất 121,67%/năm, trả lãi tháng là 500.000đồng, chưa thỏa thuận thời hạn vay. Tính đến ngày 23/8/2023, anh D đã trả số tiền lãi là 9.500.000đồng; theo thỏa thuận thì anh D phải trả số tiền lãi là 9.816.667đồng (còn chưa trả 316.337đồng), số tiền lãi pháp luật cho phép là 1.613.669đồng, số tiền L thu lợi bất chính là 8.202.968đồng.

8. Anh Trần Văn H2, sinh năm 1987, trú tại thôn 9, xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Ngày 13/3/2022, anh H2 vay số tiền 5.400.000đồng, lãi suất 5.000đồng/triệu/ngày, tương Đ lãi suất 182,5%/năm (gấp 9,13 lần so với quy định), chưa thỏa thuận thời hạn vay. Tính đến ngày 23/8/2023, anh H2 đã trả số tiền lãi là 12.750.000đồng; theo thỏa thuận thì anh H2 phải trả số tiền lãi là 14.256.000đồng (còn chưa trả 494.000đồng), số tiền lãi pháp luật cho phép là 1.562.301đồng, số tiền L thu lợi bất chính là 12.693.699đồng.

9. Anh Trần Văn H3, sinh năm 1991, trú tại thôn 9, xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Ngày 16/7/2022, anh H3 vay số tiền 10.000.000đồng, lãi suất 4.000đồng/triệu/ngày, tương Đ lãi suất 146%/năm (gấp 7,3 lần so với quy định), trả lãi tháng là 1.200.000đồng, chưa thỏa thuận thời hạn vay. Tính đến ngày 23/8/2023, theo thỏa thuận anh H3 phải trả số tiền lãi là 16.120.000đồng, anh H3 đã trả tiền lãi được 15.600.000đồng (còn chưa trả 520.000đồng), số tiền lãi pháp luật cho pháp là 2.208.219đồng, số tiền lãi L thu lợi bất chính theo thỏa thuận là 13.911.781đồng.

10. Chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1991, trú tại xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã vay của L 02 lần cụ thể:

- Lần thứ nhất: ngày 05/8/2022, chị H4 vay số tiền 25.000.000đồng, lãi suất 3.000đồng/triệu/ngày, tương Đ lãi suất 109,5%/năm (gấp 5,48 lần so với quy định), trả lãi tháng là 2.250.000đồng. Tính đến ngày 20/5/2023, chị H4 đã trả hết toàn bộ nợ gốc và nợ lãi. Số tiền lãi chị H4 đã trả là 20.250.000đồng, số tiền lãi pháp luật cho phép là 3.945.205đồng, số tiền L thu lợi bất chính là 16.304.795đồng.

- Lần thứ hai: ngày 09/9/2022, chị H4 vay số tiền 25.000.000đồng, lãi suất 3.000đồng/triệu/ngày, tương Đ lãi suất 109,5%/năm (gấp 5,48 lần so với quy định). Tính đến ngày 20/5/2023, chị H4 đã trả hết toàn bộ nợ gốc và nợ lãi. Số tiền lãi chị

H4 đã trả là 18.000.000đồng, số tiền lãi pháp luật cho phép là 3.465.753đồng, số tiền L thu lợi bất chính là 14.534.247đồng.

Tổng số tiền L thu lợi bất chính từ 2 khoản vay của chị H4 là 30.839.042đồng.

11. Chị Nguyễn Thu PH, sinh năm 1994, trú tại thôn Bắc Sim, xã AL, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Ngày 09/10/2022, chị PH vay số tiền 3.000.000đồng, lãi suất là 3.000đồng/triệu/ngày, tương Đ lãi suất 109.5%/năm (gấp 5,48 lần so với quy định). Tính đến ngày 04/6/2023, chị PH đã trả hết nợ gốc và nợ lãi cho L. Số tiền lãi chị PH đã trả là 1.611.000đồng, số tiền lãi pháp luật cho phép là 294.247đồng, số tiền L thu lợi bất chính là 1.316.753đồng.

12. Chị Đỗ Thị PH, sinh năm 1981, trú tại thôn 7, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Ngày 22/11/2022, chị PH vay số tiền 30.000.000đồng, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, tương Đ lãi suất 146%/năm (gấp 7,3 lần so với quy định), trả lãi tháng là 3.600.000đồng. Tính đến ngày 27/5/2023, chị PH đã trả hết nợ gốc và nợ lãi. Số tiền lãi chị PH đã trả là 22.320.000đồng, số tiền lãi pháp luật cho phép là 3.057.534đồng, số tiền L thu lợi bất chính là 19.262.466đồng.

13. Anh Trần Văn T2, sinh năm 1992, trú tại thôn Hà Luận 2, xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Ngày 16/12/2022, anh T2 vay số tiền 15.000.000đồng, lãi suất 4.000đồng/triệu/ngày, tương Đ lãi suất 146%/năm (gấp 7,3 lần so với quy định), trả lãi tháng là 1.800.000đồng, chưa thỏa thuận thời hạn vay. Tính đến ngày 23/8/2023, theo thỏa thuận anh T2 phải trả số tiền lãi là 15.000.000đồng, anh T2 đã trả được 14.400.000đồng (còn chưa trả 600.000đồng), số tiền lãi pháp luật cho phép là 2.054.795đồng, số tiền L thu lợi bất chính là 12.945.205đồng.

14. Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1977, trú tại thôn 7, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Ngày 09/01/2023, chị T3 vay số tiền 28.000.000đồng, lãi suất 3.000đồng/triệu/ngày (khi L nhập vào phần mềm ghi lãi suất là 4.000đồng/1 triệu), tương Đ lãi suất 109,5%/năm (gấp 5,48 lần so với quy định). Tính đến ngày 09/3/2023, thỏa thuận tròn 60 ngày, chị T3 đã trả hết toàn bộ nợ gốc và nợ lãi. Số tiền lãi chị T3 đã trả là 5.040.000đồng, số tiền lãi pháp luật cho phép là 920.548đồng, số tiền L thu lợi bất chính là 4.119.452đồng.

15. Anh Bùi Văn D, sinh năm 1990, trú tại thôn Hòa Tiến, xã AL, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Ngày 01/02/2023, anh D vay số tiền 5.000.000đồng, lãi suất 3.000đồng/triệu/ngày, tương Đ lãi suất 109,5%/năm (gấp 5,48 lần so với quy định), trả lãi tháng là 450.000đồng, chưa thỏa thuận thời hạn vay. Ngày 01/5/2023, anh D đã trả hết nợ gốc cho L. Theo thỏa thuận tính đến ngày 01/5/2023 thì số tiền lãi mà anh D phải trả sẽ là 1.335.000đồng, số tiền lãi pháp luật cho phép là 243.836đồng, số tiền L thu lợi bất chính là 1.091.164đồng (anh D đã trả tiền lãi là 900.000đồng, tháng cuối cùng thì L cho anh D).

16. Ông Bùi Văn T4, sinh năm 1964, trú tại thôn T4 Lợi, xã AL, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Ngày 26/02/2023, ông T4 vay số tiền 15.000.000đồng, lãi suất 3.000đồng/triệu/ngày, tương Đ lãi suất 109,5%/năm (gấp 5,48 lần so với quy định), chưa thỏa thuận thời hạn vay (trong phần mềm L nhập vay từ ngày 25/02/2023). Tính đến ngày 23/8/2023, theo thỏa thuận ông T4 phải trả số tiền lãi là 8.010.000đồng (ông T4 đã trả được 6.750.000đồng), số tiền lãi pháp luật cho phép là 1.463.014đồng, số tiền L thu lợi bất chính sẽ là 6.546.986đồng.

17. Chị Đỗ Thị H5, sinh năm 1988, trú tại thôn 4, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Ngày 02/3/2023, chị H5 vay số tiền 50.000.000đồng, lãi suất 3.300đồng/triệu/ngày, tương Đ lãi suất 120,45%/năm (gấp 6,02 lần so với quy định), trả lãi tháng là 5.000.000đồng, chưa thỏa thuận thời hạn vay. Ngày 21/6/2023, sau khi L được Viện kiểm sát nhân dân tối cao trả tự do thì L không thu tiền lãi của chị H5 nữa, tuy nhiên chị H5 đã trả tiền lãi hết tháng 6/2023. Tính đến ngày 30/6/2023, chị H5 đã trả số tiền lãi là 19.800.000đồng, số tiền lãi pháp luật cho phép là 3.287.671đồng, số tiền L thu lợi bất chính là 16.512.329đồng.

18. Anh Vũ Văn C, sinh năm 1993, trú tại thôn An Lập, xã AL, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Ngày 03/3/2023, anh C vay số tiền 15.000.000đồng, lãi suất 3.333đồng/triệu/ngày, tương Đ lãi suất 121,67%/năm (gấp 6,08 lần so với quy định), trả lãi tháng là 1.500.000đồng, chưa thỏa thuận thời hạn vay. Tính đến ngày 23/8/2023, theo thỏa thuận anh C phải trả số tiền lãi là 8.650.000đồng (anh C đã trả được 3.000.000đồng), số tiền lãi pháp luật cho phép là 1.421.918đồng, số tiền L thu lợi bất chính sẽ là 7.228.082đồng.

19. Anh Phạm Văn V, sinh năm 1991, trú tại thôn 1, xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Ngày 05/3/2023, anh V vay số tiền 70.000.000đồng, lãi suất là 3.333đồng/triệu/ngày, tương Đ lãi suất 121,67%/năm (gấp 6,08 lần so với quy định), trả lãi tháng là 7.000.000đồng, chưa thỏa thuận thời hạn vay. Tính đến ngày

23/8/2023, theo thỏa thuận anh V phải trả số tiền lãi là 39.900.000đồng (anh V đã trả được 35.000.000đồng), số tiền lãi pháp luật phép là 6.558.904đồng, số tiền L thu lợi bất chính sẽ là 33.341.096đồng.

20. Chị Đinh Thị Đ, sinh năm 1974, trú tại thôn Đầu Cầu, xã LL, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Ngày 09/3/2023, chị Đ vay số tiền 15.000.000đồng, lãi suất là 3.300đồng/triệu/năm, tương Đ lãi suất 120,45%/năm (gấp 6,02 lần so với quy định), trả lãi tháng là 1.500.000đồng, chưa thỏa thuận thời hạn vay. Tính đến ngày 11/6/2023 khi L bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an bắt thì L không thu tiền lãi của chị Đ nữa. Số tiền lãi mà chị Đ phải trả là 4.653.000đồng (chị Đ chưa trả cho L), số tiền lãi pháp luật cho phép là 772.603đồng, số tiền L thu lợi bất chính sẽ là 3.880.397đồng.

Tại giai đoạn điều tra, những người vay tiền của Nguyễn Duy L gồm các anh, chị: Đinh Thị Đ, Phạm Văn V, Vũ Văn C, Đỗ Thị H5, Bùi Văn T4, Bùi Văn D, Nguyễn Thị T3, Đỗ Thị PH, Nguyễn Thu PH, Nguyễn Thị H4, Trần Văn H3, Trần Văn H2, Bùi Xuân D, Trần Văn T1, Trịnh Văn H1, Vũ Thị TH, Bùi Thị Xuân H, Vũ MA, Nguyễn Thị D T không yêu cầu L trả lại số tiền lãi mà L đã thu vượt quá quy định. Riêng anh Trần Văn T2 yêu cầu L trả lại số tiền lãi mà L đã thu vượt quá quy định.

Tại bản Cáo trạng số 180/CT-VKSTN ngày 09 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố bị cáo Nguyễn Duy L về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Trịnh Văn H1 có ý kiến: Anh H1 yêu cầu Nguyễn Duy L phải trả cho anh số tiền lãi mà Nguyễn Duy L thu vượt quá quy định là 5.000.000 đồng, số tiền còn lại mà L thu tiền lãi vượt quá sau khi trừ đi 5.000.000 đồng thì anh Trịnh Văn H1 không yêu cầu Nguyễn Duy L phải trả. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Đỗ Thị PH vẫn giữ nguyên lời khai như tại cơ quan điều tra.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Duy L khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đều thừa nhận: Lời khai tại cơ quan điều tra là đúng, tại cơ quan điều tra bị cáo không bị mớm cung, ép cung, lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Viện kiểm sát nhân dân huyện TN truy tố bị cáo về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là đúng. Bị cáo xin tự nguyện nộp thay cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có số tiền lãi mà L thu vượt quá của những người này để đối trừ vào tiền gốc mà họ phải nộp. L chỉ đồng ý nộp thay số tiền gốc cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tương ứng số tiền lãi mà L đã thu vượt quá, nếu sau khi đối trừ mà số tiền gốc

còn thiếu thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải nộp. Bị cáo đã tác động gia đình nộp 300.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Duy L như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt:

+ Bị cáo Nguyễn Duy L: Từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

+ Hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Duy L.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Buộc bị cáo Nguyễn Duy L nộp số tiền 581.777.507 đồng để sung vào ngân sách nhà nước. Bị cáo Nguyễn Duy L đã nộp 300.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN, thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu tiền số 0007604 ngày 19/12/2023. Như vậy, bị cáo Nguyễn Duy L còn phải nộp tiếp số tiền 281.777.507 đồng.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải nộp số tiền cụ thể như sau để sung vào ngân sách nhà nước:

+ Anh Trần Văn T2 phải nộp: 2.654.795 đồng.

+ Ông Bùi Văn T4 phải nộp: 9.713.014 đồng.

+ Chị Đỗ Thị H5 phải nộp: 33.487.671 đồng.

+ Anh Vũ Văn C phải nộp: 13.421.918 đồng.

+ Anh Phạm Văn V phải nộp: 41.558.904 đồng.

+ Bà Đinh Thị Đ phải nộp 15.772.603.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Đối với 01 căn cước công dân số 031093001478 mang tên Nguyễn Duy L được chuyển kèm theo hồ sơ vụ án, là giấy tờ tuỳ thân của bị cáo Nguyễn Duy L nên đề nghị trả lại cho bị cáo Nguyễn Duy L.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Duy L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Duy L và toàn bộ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên, phần nói lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng*:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- *Về tội danh*:

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận bị cáo có hành vi như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến năm 2023, Nguyễn Duy L đã có hành vi sử dụng 611.400.000 đồng để cho nhiều người vay lãi, với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Duy L thu lợi bất chính là 390.130.068 đồng. Chính vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Duy L phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo Điều 201 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố và kết luận là có căn cứ và đúng pháp luật.

- *Về tình tiết định khung hình phạt:*

[3] Tổng số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo Nguyễn Duy L thu được là 390.130.068 đồng. Do đó, bị cáo Nguyễn Duy L bị xét xử theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố và kết luận là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Tính chất vụ án là ít nghiêm T2, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ. Hành vi cho vay lãi nặng là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây mất trật tự, an toàn xã hội, gây lo lắng và bức xúc trong nhân dân. Do vậy, đối với hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm khắc mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

- *Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

[5] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Duy L thu lợi bất chính là 390.130.068 đồng, trong đó có 03 lần số tiền Nguyễn Duy L thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng trở lên, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, bị cáo Nguyễn Duy L phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: "Phạm tội 02 lần trở lên".

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tác động gia đình nộp được số tiền thu lợi bất chính là 300.000.000 đồng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên cần áp dụng khi xem xét, quyết định hình phạt đối với bị cáo.

- *Về hình phạt*:

[8] Từ phân tích nêu trên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, do bị cáo đã tác động gia đình nộp được phần lớn số tiền thu lợi bất chính, bị cáo còn nuôi hai con nhỏ (một con mới sinh ngày 26/10/2023), bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình nên cần kH4n hồng để xử bị cáo ở mức thấp của khung hình phạt.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Hành vi của bị cáo là cho vay lãi nặng nhằm mục đích kiếm lời nên việc áp dụng hình phạt tiền là cần thiết để đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo, mức phạt là 50.000.000 đồng.

- *Về biện pháp tư pháp:*

[10] Đối với số tiền gốc: Bị cáo Nguyễn Duy L đã sử dụng 611.400.000 đồng tiền gốc để cho vay lãi nặng. Đây là khoản tiền, tài sản khác người phạm tội dùng để cho vay nên cần phải tịch thu sung quỹ nhà nước. Bị cáo Nguyễn Duy L đã thu được số tiền gốc của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Vũ MA là 195.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị D T là 30.000.000 đồng, ông Trần Văn T1 là 50.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị H4 là 50.000.000 đồng, chị Nguyễn Thu PH là 3.000.000 đồng, bà Đỗ Thị PH là 30.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị T3 là 28.000.000 đồng, anh Bùi Văn D là 5.000.000 đồng. Tổng cộng là 391.000.000 đồng. Do đó buộc bị cáo Nguyễn Duy L phải nộp lại số tiền này để sung vào ngân sách nhà nước.

[11] Số tiền gốc còn lại là 220.400.000 đồng của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chưa trả cho Nguyễn Duy L, cụ thể: Chị Bùi Thị Xuân H là 5.000.000 đồng, chị Vũ Thị TH là 10.000.000 đồng, anh Trịnh Văn H1 là 5.000.000 đồng, anh Bùi Xuân D là 5.000.000 đồng, anh Trần Văn H2 là 5.400.000 đồng, anh Trần Văn H3 là 10.000.000 đồng, anh Trần Văn T2 là 15.000.000 đồng, ông Bùi Văn T4 là 15.000.000 đồng, chị Đỗ Thị H5 là 50.000.000 đồng, anh Vũ Văn C là 15.000.000 đồng, anh Phạm Văn V là 70.000.000 đồng, bà Đinh Thị Đ là 15.000.000 đồng. Do đó, buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nêu trên phải nộp số tiền này để sung vào ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[12] Đối với số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo Nguyễn Duy L thực tế đã thu, cụ thể: Chị Bùi Thị Xuân H là 15.387.671 đồng, chị Vũ Thị TH là 26.542.466 đồng, anh Trịnh Văn H1 là 14.408.219 đồng, chị Nguyễn Thị D T là 34.659.041 đồng, ông Trần Văn T1 là 78.116.438 đồng, anh Bùi Xuân D là 7.886.301 đồng, anh Trần Văn H2 là 11.187.699 đồng, anh Trần Văn H3 là 13.391.781 đồng, chị Nguyễn Thị H4 là 30.839.042 đồng, chị Nguyễn Thu PH là 1.316.753 đồng, bà Đỗ Thị PH là 19.262.466 đồng, anh Trần Văn T2 là 12.345.205 đồng, chị Nguyễn Thị T3 là 4.119.452 đồng, anh Bùi Văn D là 656.164 đồng, ông Bùi Văn T4 là 5.286.986 đồng, chị Đỗ Thị H5 là 16.512.329 đồng, anh Vũ Văn C là 1.578.082 đồng, anh Phạm Văn V là 28.441.096 đồng. Tổng cộng là 390.130.068 đồng. Riêng bà Đinh Thị Đ, bị cáo Nguyễn Duy L chưa thu lợi bất chính.

[13] Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định: "Trả lại cho người vay tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội thực tế đã thu, trừ trường hợp người vay sử dụng tiền vay vào mục đích bất hợp pháp (như đánh bạc, mua bán trái phép chất ma túy, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ...) thì khoản tiền thu lợi bất chính bị tịch thu sung quỹ nhà nước". Trong vụ án này, toàn bộ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vay tiền không sử dụng vào mục đích bất hợp pháp nên căn cứ vào quy định nêu trên thì Nguyễn Duy L phải trả cho họ số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo Nguyễn Duy L thực tế thu như trên. Tuy nhiên tại cơ quan điều tra những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đinh Thị Đ, anh Phạm Văn V, anh Vũ Văn C, chị Đỗ Thị H5, ông Bùi Văn T4, anh Bùi Văn D, chị Nguyễn Thị T3, bà Đỗ Thị PH, chị Nguyễn Thu PH, chị Nguyễn Thị H4, anh Trần Văn H3, anh Trần Văn H2, anh Bùi Xuân D, ông Trần Văn T1, anh Trịnh Văn H1, chị Vũ Thị TH, chị Bùi Thị Xuân H, chị Vũ MA, chị Nguyễn Thị D T không yêu cầu L trả lại số tiền lãi mà L đã thu vượt quá quy định. Riêng anh Trần Văn T2 yêu cầu L trả lại số tiền lãi mà L đã thu vượt quá quy định.

[14] Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, Toà án nhân dân huyện TN đã triệu tập toàn bộ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đến Toà án để làm rõ, giải thích vấn đề dân sự nhưng toàn bộ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không đến Toà án (trừ anh Trịnh Văn H1 và bà Đỗ Thị PH). Sau khi nghe Toà án giải thích bà Đỗ Thị PH vẫn giữ nguyên lời khai như tại cơ quan điều tra, anh Trịnh Văn H1 thay đổi yêu cầu của mình về vấn đề dân sự như sau: Anh yêu cầu bị cáo Nguyễn Duy L phải trả cho anh số tiền lãi mà L đã thu vượt quá định là 5.000.000 đồng, anh cho Nguyễn Duy L số tiền lãi mà L đã thu vượt quá quy định còn lại là 9.408.219 đồng. Nếu L đồng ý thay anh nộp sung quỹ nhà nước là 5.000.000 đồng (số tiền gốc anh H1 vay của L) thì anh đồng ý và L không phải trả lại anh số tiền 5.000.000 đồng. Tại phiên toà, toàn bộ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không đến (trừ bà Đỗ Thị PH và anh Trịnh Văn H1 đã có lời khai tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, xin vắng mặt), Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của Nguyễn Duy L tại phiên toà và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại cơ quan điều tra để giải quyết.

[15] Tại phiên toà, Nguyễn Duy L có quan điểm: Nguyễn Duy L sẽ nộp thay để sung quỹ nhà nước cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án số tiền lãi mà L thu vượt quá của những người này, để đối trừ vào tiền gốc mà họ phải nộp. Xét thấy, trên thực tế người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải nộp số tiền gốc mà chưa trả cho L để sung vào ngân sách nhà nước, nhưng họ đã trả cho L số tiền lãi vượt quá theo quy định, do vậy việc bị cáo L tự nguyện nộp cho họ khoản tiền gốc tương Đ phần lãi mà L thu vượt quá của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và bảo đảm được quyền và lợi ích của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nên cần được chấp nhận. Số tiền lãi mà L thu vượt quá quy định của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đến vụ án, nếu sau khi trừ đi tiền gốc phải nộp mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải nộp để sung quỹ nhà nước mà không đủ thì buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải tiếp tục nộp, nếu thừa do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu L phải trả lại thì không tịch thu sung vào ngân sách nhà nước nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu Nguyễn Duy L trả họ số tiền này, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[16] Như vậy, bị cáo Nguyễn Duy L phải nộp số tiền gốc cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chưa trả số tiền gốc cho bị cáo L như sau: Chị Bùi Thị Xuân H: 5.000.000 đồng, chị Vũ Thị TH: 10.000.000 đồng, anh Trịnh Văn H1: 5.000.000 đồng, anh Bùi Xuân D: 5.000.000 đồng, anh Trần Văn H2: 5.400.000 đồng, anh Trần Văn H3: 10.000.000 đồng, anh Trần Văn T2: 12.345.205 đồng, ông Bùi Văn T4: 5.286.986 đồng, chị Đỗ Thị H5: 16.512.329

đồng, anh Vũ Văn C: 1.578.082 đồng, anh Phạm Văn V: 28.441.096 đồng. Tổng cộng là: 104.563.698 đồng.

[17] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải nộp số tiền gốc còn lại sau khi trừ đi số tiền bị cáo L nhận nộp thay là: Anh Trần Văn T2 phải nộp: 2.654.795 đồng, ông Bùi Văn T4 phải nộp: 9.713.014 đồng, chị Đỗ Thị H5 phải nộp: 33.487.671 đồng, anh Vũ Văn C phải nộp: 13.421.918 đồng, anh Phạm Văn V phải nộp: 41.558.904 đồng, bà Đinh Thị Đ phải nộp: 15.000.000 đồng.

[18] Đối với số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà người phạm tội đã thu của người vay. Đối với số tiền này người vay đã trả cho Nguyễn Duy L do vậy buộc Nguyễn Duy L phải nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước là: 86.213.809 đồng. Riêng bà Đinh Thị Đ chưa trả khoản tiền lãi nào nên buộc bà Đinh Thị Đ phải nộp lại số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 772.603 đồng, để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- *Về xử lý vật chứng:*

[19] Đối với 01 căn cước công dân số 031093001478 mang tên Nguyễn Duy L được chuyển kèm theo hồ sơ vụ án, là giấy tờ tuỳ thân của bị cáo Nguyễn Duy L nên trả lại cho bị cáo Nguyễn Duy L.

- *Về án phí:*

[20] Bị cáo Nguyễn Duy L phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy L phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Về hình phạt chính, xử phạt bị cáo Nguyễn Duy L: 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/8/2023 (trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ trước đó của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an từ ngày 12/6/2023 đến ngày 21/6/2023).

- Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Duy L số tiền 50.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Buộc bị cáo Nguyễn Duy L nộp số tiền 581.777.507 đồng để sung vào ngân sách nhà nước. Bị cáo Nguyễn Duy L đã nộp 300.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN, thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu tiền số 0007604 ngày 19/12/2023. Như vậy, bị cáo Nguyễn Duy L còn phải nộp tiếp số tiền 281.777.507 đồng.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải nộp số tiền cụ thể như sau để sung vào ngân sách nhà nước:

+ Anh Trần Văn T2 phải nộp: 2.654.795 đồng.

+ Ông Bùi Văn T4 phải nộp: 9.713.014 đồng.

+ Chị Đỗ Thị H5 phải nộp: 33.487.671 đồng.

+ Anh Vũ Văn C phải nộp: 13.421.918 đồng.

+ Anh Phạm Văn V phải nộp: 41.558.904 đồng.

+ Bà Đinh Thị Đ phải nộp 15.772.603.000 đồng.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Duy L: 01 căn cước công dân số 031093001478 mang tên Nguyễn Duy L.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đến vụ án (vắng mặt) có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị H5

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị H5

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị H5

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

Vũ Thị H5

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị H5

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1 - TAND tối cao;
- Phòng KTNV và THA TAND huyện Thủy Nguyên;
- Trại tạm giam Công an huyện Thủy Nguyên;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Thủy Nguyên;
- Cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên;
- Sở tư pháp huyện Thủy Nguyên;
- Bị cáo;
- Cơ quan thi hành án hình sự huyện Thủy Nguyên;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Tuyến

Phiếu gửi bảo đảm bản án hình sự sơ thẩm số 88 ngày 14/7/2022 (Phùng Hoài Ngọc – TK H5)

- TAND cấp cao tại Hà Nội; địa chỉ: Số 1, Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa,C ầu Giấy, Hà Nội ; RG 186 302 241 VN
- VKSND cấp cao tại Hà Nội; địa chỉ: Số 9, Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa,C ầu Giấy, Hà Nội ; RG 186 302 238 VN
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1 - TAND tối cao; địa chỉ: Số 48 Lý Thường Kiệt, Ba Đình, Hà Nội. RG 186 302 255 VN